

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH HIỆN NAY

PGS.TS. Vũ Trọng Dung

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: vtdung@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 29/5/2025

Ngày nhận bản sửa: 02/6/2025

Ngày duyệt đăng: 25/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71192/665704xztxqf>

Tóm tắt

Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy được trình bày trong các khái niệm, nguyên lý, phạm trù, quy luật, là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ, có ý nghĩa thực tiễn lớn lao trong nhận thức và cải tạo thế giới. Đổi mới phương pháp dạy học môn Triết học Mác - Lênin đáp ứng chuẩn đầu ra là một yêu cầu cấp bách hiện nay. Chuẩn đầu ra môn Triết học Mác - Lênin đòi hỏi giảng viên (GV) và sinh viên (SV) phải thay đổi cách dạy và cách học thì việc dạy của GV và học của SV mới đảm bảo nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Triết học Mác - Lênin. **Từ khóa:** Chuẩn đầu ra, đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra, biện pháp đổi mới phương pháp dạy học môn Triết học Mác - Lênin.

Innovating Teaching Methods of Marxist-Leninist Philosophy to Align with Modern Output Standards for Students of Hoa Binh University

Assoc. Prof., Dr. Vu Trong Dung

Hoa Binh University

Corresponding Author: vtdung@daihochoabinh.edu.vn

Abstract

Marxist-Leninist philosophy encapsulates a framework of dialectical materialist perspectives concerning nature, society, and cognition, articulated through concepts, principles, categories, and laws. It serves as a scientific and revolutionary worldview and methodological approach of the laboring class, working individuals, and progressive social entities, bearing practical significance in comprehending and reshaping the world. The imperative of innovating teaching methodologies of Marxist-Leninist philosophy to meet contemporary output standards is pressing. The output standards of Marxist-Leninist philosophy necessitate a shift in teaching and learning methodologies among students, ensuring that the teaching and learning processes uphold the enhancement of the quality of Marxist-Leninist philosophy education.

Keywords: Output standards, innovative teaching methods for compliance, measures to innovate teaching methods of Marxist-Leninist Philosophy.

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa Mác - Lênin (CNML) là hệ thống lý luận khoa học và cách mạng bao gồm ba bộ phận hợp thành, gắn bó với nhau một cách hữu cơ, đó là: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học; trong đó, bộ phận Triết học giữ vai trò là cơ sở lý luận và phương pháp luận chung của toàn bộ CNML.

Triết học Mác - Lênin (THML) là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự

nhiên, xã hội và tư duy - thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ trong nhận thức và cải tạo thế giới.

Môn THML có ba phần nội dung cơ bản là: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Lần đầu tiên trong lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã công khai *tính giai cấp* của triết học, biến triết học của

mình thành vũ khí tinh thần của giai cấp vô sản. “Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí *vật chất* của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí *tinh thần* của mình” [1, tập 1, tr. 589].

Ngay từ những năm 1925-1927, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định trong tác phẩm *Đường cách mệnh* rằng: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [2, tập 2, tr. 289]. Nguyễn Ái Quốc nêu rõ rằng: Phải truyền bá tư tưởng vô sản, lý luận Mác - Lênin (LLML) vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. “Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa [tức là, giảng giải lý luận cách mạng (LLCM) và CNML] cho dân hiểu” [2, tập 2, tr. 289].

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta rất coi trọng công tác giảng giải LLCM và CNML. Nhất quán tinh thần của những Đại hội Đảng trước, tại Đại hội XIII (2021), Đảng ta nêu rõ rằng: “Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị (LLCT) theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại; đưa việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới ... phù hợp với từng đối tượng...” [3, tập 1, tr. 88]. Vì vậy, vấn đề đặt ra là đề dạy học môn THML ở Trường Đại học Hòa Bình (ĐHHB) có hiệu quả, thiết thực, đáp ứng chuẩn đầu ra, chúng ta phải tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo hướng hiện đại.

2. Đổi mới PPDH môn THML đáp ứng chuẩn đầu ra

2.1. Mục đích nghiên cứu của THML

Mục đích nghiên cứu của THML, trước hết, để giải thích đúng đắn thế giới từ góc độ triết học, sau đó, để cải tạo thế giới thông qua thông qua hoạt động thực tiễn của con người. THML là triết học thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, là triết học không chỉ có chức năng giải thích khoa học về thế giới, mà còn là công cụ nhận thức khoa học để cải tạo thế giới. C.Mác đã viết rõ rằng: “Các nhà triết học

đã chỉ *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song, vấn đề là *cải tạo* thế giới” [1, tập 3, tr. 12]. Luận điểm đó của C.Mác không những chỉ ra sự khác nhau về nguyên tắc giữa triết học Mácxit với tất cả các học thuyết triết học trước đó, mà còn là sự khái quát một cách cô đọng, sâu sắc thực chất của mỗi khái niệm, nguyên lý, phạm trù, quy luật của THML đều có ý nghĩa thực tiễn lớn lao. Để đạt được mục đích này trong giảng dạy và học tập THML, trước hết, cần hiểu đúng chuẩn đầu ra và đặc thù của môn THML.

2.2. Chuẩn đầu ra môn THML

Về kiến thức: Hiểu được những quan điểm cơ bản của THML về đặc điểm và vai trò của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn, về vật chất và ý thức, các nguyên lý, quy luật, phạm trù, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Về kỹ năng: Phân tích được các vấn đề triết học theo quan điểm của THML; Áp dụng được quan điểm của THML để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.

Về thái độ: Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo lập trường THML; Có thái độ phê phán những quan điểm trái ngược với THML về các vấn đề triết học.

2.3. Đặc thù của môn THML

THML là môn học có tính trừu tượng cao nhất so với các môn LLCT khác.

Đặc thù của tri thức triết học là ở chỗ, tri thức triết học có tính khái quát hoá, trừu tượng hoá cao trong sự phản ánh hiện thực được biểu đạt bằng hệ thống các khái niệm, nguyên lý, phạm trù, quy luật. Hơn nữa, Triết học là môn khoa học lý thuyết, chứ không phải môn khoa học ứng dụng. Chính vì vậy, môn học này thiên về những kiến thức *hàn lâm*¹; và hầu như không có những mô hình thực nghiệm, ứng dụng, trực quan, nên không thể sơ đồ hóa bài giảng một cách máy móc. Môn THML với chức năng cơ bản là trang bị thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho người học. Vì thế, việc giảng dạy THML phải đạt được mục đích là giúp người học xác lập được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

¹ Những từ ngữ hàn lâm là những từ ngữ chỉ những khía cạnh, nội dung hoặc tác phẩm có tính chất trừu tượng, khó hiểu như: *vật chất; bản chất của ý thức; vận động; phát triển; cái riêng; cái chung; mặt đối lập*, v.v. so với bình thường và thường mang tính chuyên môn cao mà không phải ai cũng hiểu được; và bộ phận người hiểu được kiến thức hàn lâm đều là bộ phận người có chuyên sâu về chuyên môn hoặc có bộ óc tinh tường.

2.4. Thực trạng việc đổi mới phương pháp dạy học môn THML đáp ứng CĐR ở Trường ĐHHB**a) Thực trạng đổi mới phương pháp dạy môn THML****- Ưu điểm:**

Bám sát CĐR và nội dung được nêu trong đề cương chi tiết học phần, GV đã giảng giải sâu sắc từng khái niệm, nguyên lý, phạm trù, quy luật, giúp SV hiểu rõ ý nghĩa thế giới quan, vai trò phương pháp luận của THML. Từ đây, SV đã có nhận thức sâu sắc bản chất phương pháp luận của THML (còn gọi là phương pháp luận mácxít hay phương pháp luận duy vật biện chứng) ở các mặt: *Thứ nhất*, hệ thống các quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo việc nhận thức và cải tạo thế giới; *Thứ hai*, phương pháp luận Mác-xít cung cấp các nguyên tắc và phương pháp khoa học cụ thể để nghiên cứu các sự vật, hiện tượng, như: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; phương pháp lịch sử - lôgic, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp quy nạp và diễn dịch, v.v. và yêu cầu cần phải tuân thủ khi thực hiện các nguyên tắc, phương pháp này; *Thứ ba*, sự sáng tạo của Đảng và Nhà nước ta trong vận dụng phương pháp luận Mác-xít để xác định mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta trong từng giai đoạn.

Đặc biệt, GV giảng dạy môn THML luôn đề cao ý thức phát ngôn chuẩn mực, nói đúng quan điểm của Đảng, luôn nêu cao ý thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Từ đây, hình thành và phát triển các năng lực tư duy phê phán, lôgic, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ, giải quyết vấn đề; rèn luyện phẩm chất trung thực, khiêm tốn, cầu thị... cho SV, học viên.

GV luôn xác định đúng rằng, giảng dạy THML là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác tư tưởng không chỉ truyền đạt cho người học hệ thống quan điểm khoa học cơ bản của THML, mà còn có một nhiệm vụ quan trọng hơn nữa, đó là phải xây dựng và củng cố được niềm tin tuyệt đối của SV nói riêng, của nhân dân nói chung đối với Đảng, Nhà nước. GV Bộ môn LLCT, qua các bài

giảng triết học, đã giúp SV hình thành đạo đức cách mạng: *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, và giúp người học thấy rõ: “Xét từ góc độ của tinh thần, chúng ta có thể gọi triết học chính là cái cần thiết nhất” [4, tập IX, tr. 52].

Tóm lại, trong 5 năm học qua (2020-2025), GV Bộ môn LLCT rất tích cực tìm tòi, thử nghiệm các PPDH để tìm ra PPDH tích cực trong dạy học THML. Nhờ vậy, các bài giảng THML đã đáp ứng CĐR và đảm bảo tính thiết thực đối với người học.

- Hạn chế:

Do GV đã cao tuổi, nên việc sử dụng công nghệ thông tin trong soạn và giảng môn THML có khi còn khó khăn và vận dụng vào bài giảng thiếu linh hoạt; một số GV, tuy có đổi mới PPDH, nhưng chưa kết hợp hài hòa giữa phương pháp thuyết trình và các PPDH khác, chưa sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ cho giảng dạy; vì lớp học quá đông SV, phần lớn trên, dưới 100 SV, nên không thể áp dụng PPDH mới.

Cũng cần phải nói rõ rằng, người học chưa thấy được tính thiết thực của việc học tập triết học, một phần là do người dạy triết học. GV nói rất say sưa, nói nhiều quá, lại dùng từ ngữ cao xa với cách dạy mang tính áp đặt, giáo điều...; nghĩa là, người giảng chưa có PPDH thích hợp, chưa biết giải thích những ý kiến sâu sắc bằng những lời lẽ giản dị, chưa thường xuyên kết hợp lồng ghép các PPDH khác để hỗ trợ cho thuyết trình ..., cho nên người học khó hiểu. Vì vậy, vấn đề đặt ra là Bộ môn LLCT phải tiếp tục đổi mới PPDH theo hướng hiện đại, để dạy học môn THML ở trường ĐHHB có hiệu quả, thiết thực, đáp ứng CĐR tốt hơn.

b) Thực trạng phương pháp học môn THML**- Ưu điểm:**

Là môn học mới, nên đại đa số SV rất hào hứng khi được học môn THML. Ngay từ bài học Triết học đầu tiên, các em đã chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho học tập như thước kẻ, bút mực xanh, bút mực đỏ, ghi chép rất cẩn thận và làm nổi bật các tiết, tiểu tiết, các ý của các khái niệm. SV đã thể hiện rõ tình cảm trân trọng, yêu thích THML trong suốt quá trình học môn học này. Vì vậy, trong bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học, các em thấy rõ tính thiết thực của THML qua những dòng cảm xúc sâu sắc về môn học này. Ví dụ: SV đã viết ra xúc cảm sâu sắc

trong bài kiểm tra giữa kỳ².

- Hạn chế:

Một bộ phận SV không xác định đúng vị trí, vai trò và tầm quan trọng của môn THML, nên thiếu tập trung trong học tập, không chủ động, thậm chí có biểu hiện ngại học, lười tự học. Mặt khác, do lớp đông hàng trăm SV, nên GV khó vận dụng PPDH mới; làm cho tinh thần học tập các môn học này của nhiều SV còn khá thụ động. Đây là những khó khăn nhất định đối với một số SV trong việc thực hiện yêu cầu về CDR của môn học này.

2.5. Biện pháp trọng tâm nhằm đổi mới PPDH đáp ứng chuẩn đầu ra môn THML

a) Biện pháp tăng hứng thú cho SV trong dạy và học môn THML

Hứng thú học tập là trạng thái tích cực về cảm xúc và nhận thức, thể hiện sự yêu thích, chủ động và say mê trong quá trình học. Đây là động lực bên trong thúc đẩy người học tiếp thu kiến thức hiệu quả, phát triển tư duy và duy trì thái độ học tập tích cực lâu dài.

Do môn Triết học có tính trừu tượng cao nhất so với các môn LLCT khác, nên hứng thú học tập môn THML của một bộ phận SV chưa cao. Vì vậy, tăng hứng thú cho SV trong dạy học môn THML là nhiệm vụ trước hết của GV. GV có thể tạo hứng thú học tập cho SV bằng nhiều cách như sau:

(1) Ngay từ tiết đầu tiên dạy học môn Triết học, GV cần dành thời gian cần thiết cho SV làm quen với môn THML và GV kết nối với SV, như GV giới thiệu thông tin về mình với lớp; GV hỏi thông tin về SV (họ, tên, quê quán). Đây là thời gian rất cần thiết để GV tạo ra sự gần gũi với SV bằng cách thể hiện thái độ thân thiện, chia sẻ, lắng nghe và tạo cơ hội tương tác.

GV phải tránh thể hiện sắc mặt nghiêm khắc. Giáo hóa dân chúng mà phải

dùng đến to tiếng và sắc mặt giận dữ, ấy là phương pháp mạt hạng. Nếu GV bước vào lớp với sắc mặt nghiêm khắc, thì SV sẽ sợ sệt và lớp học sẽ trở nên trầm lặng, nặng nề; SV sẽ tự thu hẹp mình và không dám giao tiếp với GV, không có hứng thú học tập. Vì vậy, sắc mặt GV phải giữ cho ôn hoà, ôn hòa mà nghiêm nghị, trang nghiêm mà thoải mái; phải ân cần, nhân hậu với SV, để SV được thoải mái, tự tin, không thấy áp lực trong giờ học. GV bước vào lớp với sắc mặt điềm tĩnh và lời chào SV thật vui vẻ, sẽ có một tiết học thiết thực, sẽ tạo cho SV mạnh dạn phát biểu, tương tác với GV và các bạn. Đây là một trong những cách cuốn hút SV vào tiết học.

(2) Có thể nêu câu hỏi để SV có ý kiến và ghi nhớ rằng: Tại sao chúng ta phải học THML nói riêng, các môn LLCT nói chung?

GV cần dẫn lời dạy của Bác Hồ để trả lời, và yêu cầu SV phải ghi nhớ lời dạy chúng ta rằng, SV “Phải chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hoá, chuyên môn; đức là chính trị”; và Người luôn khẳng định trong quan hệ giữa đức và tài thì đức phải có trước tài. Người chỉ rõ rằng: “Ta là cán bộ chuyên môn, có chuyên môn mà không có chính trị giỏi thì đi học giỏi mấy... cũng hỏng. Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn... Nói tóm lại, chính trị là đức, chuyên môn là tài... Đức phải có trước tài” [2, tập 12, tr. 270, 269].

(3) Triết lý về học tập và hiểu biết

Ví dụ: Chủ tịch Hồ Chí Minh rất nghiêm khắc phê phán tệ giấu dốt, lười biếng học tập, tự cao, tự đại, cho mình là giỏi nhất thiên hạ. Người nói: “Cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. Kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số

² SV Nguyễn Minh Huyền - Lớp 524DHO, Trường ĐHHB đã viết ra xúc cảm trong bài kiểm tra giữa kỳ như sau:

“Dưới góc nhìn triết học, quan điểm về vật chất của V.I.Lênin quả thực là một đóng góp nổi bật, không chỉ đóng vai trò cốt lõi trong hệ tư tưởng Mác - Lênin, mà còn tạo ra nền tảng cho khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và nhân văn đi vào thực tiễn - sự nghiệp cải tạo thế giới thông qua hoạt động của con người. Chính những sự thâm nhuần tri thức Triết học đó, cái hồn tinh tú truyền qua mọi thế hệ - hệ tư tưởng Mác - Lênin mang lại cho ta một góc nhìn toàn diện và mang tính đúng đắn về “định nghĩa vật chất, thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn”...

Những thành tựu của khoa học tự nhiên và hoạt động thực tiễn của con người cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX như chính “cú tát lớn” vào trong tam quan của các nhà khoa học tự nhiên và triết học “giới khoa học nhưng kém cỏi về triết học” đã trượt ngay từ đầu về chủ nghĩa duy vật siêu hình, máy móc tới chủ nghĩa tương đối, hoài nghi và cuối cùng rơi vào quan điểm của chủ nghĩa duy tâm rằng “vật chất tiêu tan”... Đó chính là một sai lầm lớn mà bao nhiêu người đã mắc phải, và chính quan điểm khoa học về vật chất của V.I.Lênin đã khắc phục được sai lầm đó.

Em quả thật rất biết ơn thầy PGS.TS. Vũ Trọng Dung, vì đã mang một bài học quý báu, bổ ích tới chúng em và cả những thế hệ. Đời người là cây, sao không tự mình vun đắp lên? Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin lớn lên như một cái mầm cây, vươn theo gió, để rồi sống mãi với thời gian, với mọi thời đại”.

một của học tập” [2, tập 12, tr. 98]. Trong học tập, cần tiếp thu ba điều mà Triết gia Khổng Tử (551-479 tr.CN) chỉ ra rằng: “*Có điều nghi hoặc thì phải hỏi han. Hễ điều gì không biết thì cứ để trống đã, chứ không nói liều. Cái gì biết thì nhận là biết, cái gì không biết thì nhận là không biết, như vậy là thực sự biết đó*”.

(4) Có thể nêu tư tưởng triết học vật chất quyết định ý thức trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam

Ví dụ: Ăn liên hệ với học, như *Ăn vóc học hay* - nghĩa là, ăn uống đầy đủ, thì người có vóc dáng đẹp, “*nét ngài (người) nở nang*”; người khoẻ mạnh, có sức khỏe tốt mới học hay (học tốt), học những điều hay, hiểu biết nhiều; hoặc *Có thực mới vực được đạo*; / *Ăn, ở, mặc trước; múa, hát, vẽ sau*. Từ đây, GV chỉ ra một trong hai phát minh vĩ đại của C.Mác đã để lại cho nhân loại là: chính C.Mác là người đầu tiên đã tìm ra quy luật phát triển của xã hội bằng việc chỉ ra “*Cái sự thật giản đơn đã bị những tầng tầng lớp lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người, trước hết, cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã, rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và... v.v. được*”. Các em sẽ học quan điểm duy vật lịch sử này trong bài *Hình thái kinh tế - xã hội*.

(5) GV gợi ý cho SV rút ra quan điểm triết học từ thơ, văn như: Dưới góc nhìn triết học, em hãy rút ra quan điểm triết học từ bài thơ “*Chân quê*” của Nguyễn Bính (1918-1966) được viết vào năm 1936.

Bài thơ kể về sự thay đổi trang phục khác lạ đang mang trên người của một cô gái nông thôn sau những ngày ra thành thị trở về quê. *Khăn nhung, quần lĩnh, áo cài khuy bấm* đều là những trang phục lạ (cần khẳng định cái lạ không phải là mới) đã “*xâm lăng*”, thâm nhập, lấn lướt, thay thế, choán chỗ của *cái yếm lụa sồi, cái dây lưng dũi, cái áo tứ thân, cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen* là những trang phục truyền thống thân quen, đậm bản sắc dân tộc Việt Nam của người thôn nữ. Nào đâu? Năm trang phục này đã biến đâu mất rồi?

Kết thúc bài thơ tưởng là tình thần nhẹ đi trong hai câu thơ: “*Hôm qua em đi tỉnh về, Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*”. Có thật là *Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều* không? Không phải *Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*, mà là bay tất đi rồi. Đây mới là ý nghĩa chính, ý nghĩa sâu xa được thể hiện rõ trong bài thơ. Bài thơ đã gióng lên một hồi chuông cảnh báo thật khẩn thiết rằng: văn minh thị thành xa lạ đang lấn át, phủ định sạch trơn văn hoá

đồng quê, và sâu xa hơn là hồn dân tộc, bản sắc dân tộc đang có nguy cơ bị mai một, biến dạng.

Tóm lại, GV cần linh hoạt bằng nhiều cách để cuốn hút SV vào học Triết học; GV hãy mang đến cho SV những tri thức triết học hay để khơi dậy niềm yêu thích triết học là môn học có thể coi là rất “*khó hiểu*” trong suy nghĩ của SV hiện nay. Từ tình cảm yêu thích Triết học, SV sẽ có niềm tin và ý chí học tốt môn Triết học. Khi GV tràn đầy nhiệt huyết truyền cảm hứng học Triết học, thì SV có tình yêu Triết học, sẽ hóa giải những định kiến sai lầm cho rằng, Triết học là môn học khó, khô, khô; không biết học Triết học để làm gì, không thấy tính thiết thực của Triết học; xưa tan tâm trạng hoang mang, sợ học môn Triết học,... để tạo hứng thú học tập tốt môn THML cho SV.

b) *Kết hợp phương pháp truyền thống (PPTT) với các phương pháp khác, như nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi đáp... với sử dụng các phương tiện hiện đại để đạt được thuyết trình tích cực*

Trong giảng dạy, có nhiều phương pháp phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, chúng ta cần phải khẳng định rằng, không có một phương pháp nào là duy nhất cho tất cả các môn học, cũng không có phương pháp nào áp dụng cho tất cả người dạy. Bộ môn LLCT đã làm rõ ưu, nhược điểm của phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm nói riêng; ưu, nhược điểm của từng PPDH khác nói chung.

Từ đặc điểm của *Triết học là môn học có tính trừu tượng cao và đặc điểm của người học*, theo chúng tôi, để đổi mới PPDH THML, trước hết, cần tập trung kết hợp PPTT thường được gọi là phương pháp truyền thống (PPTT) với các PPDH khác để có PPTT tích cực.

PPTT tích cực là PPDH kết hợp PPTT với các phương pháp khác, như nêu vấn đề, nêu ý kiến, hỏi đáp, sàng lọc, phát vấn, làm việc theo nhóm, đối thoại,... với sử dụng các phương tiện hiện đại nhằm nâng cao tính thiết thực, hiệu quả, chất lượng bài giảng. Từ thử nghiệm các phương pháp nêu trên, thấy rõ ưu thế và hạn chế của từng phương pháp giảng dạy, Bộ môn LLCT đã sử dụng PPTT tích cực trong dạy học THML.

PPTT đã trở thành nếp nghĩ, cách làm của nhiều GV từ xưa tới nay. PPTT được sử dụng phổ biến trong dạy học các môn học lý luận ở bậc đại học, nên việc sử dụng PPTT là tất yếu. Đa số GV nhận xét rằng, PPTT có ưu điểm là khắc phục được sự

thiếu hụt về tư liệu, giáo trình và các thông tin, phương pháp này giúp SV có thể nắm được ngay nội dung cơ bản các vấn đề mà GV truyền đạt trên lớp. Điểm ưu trội của thuyết trình là ở chỗ, thuyết trình truyền đạt được một lượng kiến thức lớn với tính logic, hệ thống cao. Người thuyết trình được hoàn toàn chủ động về thời gian và những vấn đề cần nhấn mạnh.

Dạy và học THML thực chất là dạy và học hệ thống các khái niệm THML. Để giảng dạy rõ ràng, sâu sắc nội dung từng khái niệm, GV phải lấy các ví dụ thực tiễn để minh họa cho những kiến thức trừu tượng đó, nhằm rèn luyện tư duy trừu tượng cho SV, Bộ môn LLCT đã thực hiện việc lồng ghép các PPDH khác để hỗ trợ cho thuyết trình vào giờ giảng, để giảm thuyết trình, tăng trao đổi, thảo luận nhằm đạt được mục đích dạy học. Đây chính là bản chất của PPTT tích cực.

Ví dụ: Làm rõ bản chất của chủ nghĩa duy tâm (CNDT) chủ quan và CNDT khách quan và tác hại của chúng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Bằng PPTT tích cực, sau giờ dạy, GV phải giúp SV nắm được bản chất của chủ nghĩa duy tâm (CNDT) chủ quan và CNDT khách quan và tác hại của chúng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, để hình thành và phát triển các phẩm chất khách quan, trung thực và năng tư duy phê phán như sau:

CNDT chủ quan cho rằng, ý thức của con người có trước vật chất, là xuất phát điểm, là cội nguồn sinh ra mọi sự vật, hiện tượng và quá trình của thế giới, rằng: “*Tồn tại là do tôi cảm giác (ý thức)*”. Nghĩa là, tôi có cảm giác (ý thức) về sự vật thì mới có sự vật, tôi không ý thức về sự vật thì không có sự vật.

Biểu hiện của CNDT chủ quan trong nhận thức và hoạt động thực tiễn thời kỳ trước đổi mới là chúng ta mắc nặng căn bệnh chủ quan, duy ý chí; tư duy siêu hình, không tôn trọng hiện thực khách quan, đã tô hồng người cộng sản và CNXH để mà tin như: “*Ta cứ nghĩ đồng chí rồi thì không ai xấu nữa*”; “*Ta nhất quyết đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ, ... Mừng tượng rằng trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ*”, hoặc phủ định thành tựu mà nhân loại đạt được trong chủ nghĩa tư bản (CNTB), bôi đen giai cấp tư sản như: “*Tất cả những gì xấu xa của tao là*

thuộc về mày”, “*Tất cả những gì tốt đẹp của mày là thuộc về tao*”...

CNDT khách quan cho rằng, ý niệm tuyệt đối (ý thức ngoài con người) có trước thế giới vật chất, trước tự nhiên, xã hội và con người là cái sinh ra mọi vật.

CNDT khách quan có quan hệ với tôn giáo, giống tôn giáo ở chỗ thừa nhận Chúa, Thượng đế, thần linh, thánh là Đấng sinh ra mọi vật. Chung quy lại, CNDT khách quan phủ nhận sự tồn tại khách quan của sự vật.

Biểu hiện của CNDT khách quan trong nhận thức và hoạt động thực tiễn đó là mê tín dị đoan - tin tưởng mê muội, mù quáng vào những điều mơ hồ, không có cơ sở khoa học. Những hành vi như bói toán, xem tướng, chữa bệnh bằng phù phép... là mê tín. Ngày nay, người ta đa phần đi chùa vì mê tín, mang theo mong cầu, nghĩ rằng Phật thần thông quảng đại có thể xin gì được nấy.

Ví dụ: Phân tích nội dung nguyên lý về sự phát triển; ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý này trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Bằng PPTT tích cực, sau giờ dạy, GV giúp SV phải nắm được nội dung nguyên lý về sự phát triển; ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý này, để hình thành các phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện tư duy phê phán các quan điểm phản khoa học như sau:

Thứ nhất, SV phải hiểu đúng nội dung nguyên lý về sự phát triển như sau:

- Phát triển là một phạm trù triết học chỉ sự vận động tiến lên (từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của tự nhiên, của xã hội và của tư duy) của sự vật không phải là sự tăng giảm đơn thuần về số lượng, mà là sự nhảy vọt về chất; cái cũ mất đi, cái mới ra đời thay thế cái cũ;

- Từ định nghĩa trên, chúng ta có thể rút ra đặc trưng của sự phát triển biện chứng là cái mới ra đời thay thế cái cũ. Cái mới có ba đặc trưng như sau: (i) cái mới là cái tiến bộ hơn cái cũ; (ii) cái mới là cái hợp quy luật; (iii) cái mới phải có tính chất không thể đảo ngược được.

- Phát triển có bốn tính chất, đó là: tính khách quan; tính phổ biến; tính kế thừa; tính đa dạng, phong phú.

Thứ hai, SV phải hiểu đúng ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý về sự phát triển rằng, chúng ta phải tuân thủ bốn yêu cầu của nguyên tắc phát triển, một mặt,

³ Nhà thơ Việt Phương (1928-2017) được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học, nghệ thuật vào năm 2022. Ông trải qua 53 năm làm Thư ký riêng cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, cùng một số năm đồng thời làm Thư ký cho Tổng Bí thư Lê Duẩn. Năm 1969, ông đã viết bài thơ “Cuộc đời yêu như vợ của ta ơi” với những dòng thơ trên.

phải tránh tư tưởng bảo thủ, trì trệ; *mặt khác*, phải chống thái độ hư vô chủ nghĩa, phủ định sạch trơn truyền thống.

Ví dụ: Làm rõ các khái niệm cơ sở hạ tầng; phân biệt khái niệm cơ sở hạ tầng với khái niệm kết cấu hạ tầng.

Bằng PPTT tích cực, sau giờ dạy, GV phải giúp SV nắm được *các khái niệm cơ sở hạ tầng*; phân biệt khái niệm cơ sở hạ tầng với khái niệm kết cấu hạ tầng, để hình thành và phát triển tư duy khoa học, chính xác và năng lực sáng tạo như sau:

- Định nghĩa cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất (QHSX) hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định.

- Cấu trúc của cơ sở hạ tầng bao gồm ba loại QHSX: Nói đến *cơ sở hạ tầng* chính là nói đến QHSX, là nói đến nhiều loại QHSX, mà thông thường, *cơ sở hạ tầng* có ba loại QHSX: (i) QHSX *tàn dư* của cơ sở hạ tầng cũ còn tồn tại trong cơ sở hạ tầng hiện tại; (ii) QHSX *thống trị* trong cơ sở hạ tầng hiện tại; (iii) QHSX *mầm mống* của cơ sở hạ tầng xã hội tương lai trong cơ sở hạ tầng hiện tại. Ví dụ: Trong *cơ sở hạ tầng xã hội chủ nghĩa nước ta*, có ba loại QHSX như sau: Một là, QHSX thống trị là QHSX xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng; Hai là, QHSX *tàn dư* là QHSX phong kiến; Ba là, QHSX *mầm mống* của QHSX cộng sản chủ nghĩa.

Thứ ba, phân biệt khái niệm cơ sở hạ tầng và khái niệm kết cấu hạ tầng.

Hiện nay, có tình trạng dùng khái niệm *cơ sở hạ tầng* không chuẩn xác trong văn bản, sách, báo, như có khi nói và viết rằng: xây dựng hệ thống giao thông: đường sá, sân bay, bến cảng; bưu điện, thông tin liên lạc; hệ thống cấp, thoát nước; phát triển giáo dục, phát triển y tế, giải quyết việc làm và chế độ chính sách liên quan đến lao động, phát triển văn hoá, thông tin, thể thao và du lịch là *xây dựng cơ sở hạ tầng*, *phát triển cơ sở hạ tầng* của vùng này, vùng kia. Trước hết, cần khẳng định rằng, phải dùng khái niệm *kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để chỉ những ngành đó mới đúng*; nếu dùng khái niệm *cơ sở hạ tầng* để chỉ những ngành đó là *sai*.

Trong các văn kiện Đại hội, Đảng ta dùng khái niệm *kết cấu hạ tầng kinh tế để chỉ giao thông*; thông tin liên lạc; nguồn

điện, lưới điện; cấp, thoát nước; khái niệm *kết cấu hạ tầng xã hội* để chỉ giáo dục, y tế, lao động, văn hoá, thông tin, thể thao, du lịch. Vì vậy, cần phân biệt khái niệm *cơ sở hạ tầng* với khái niệm *kết cấu hạ tầng* như sau: *Cơ sở hạ tầng là khái niệm triết học*, còn *kết cấu hạ tầng là khái niệm kinh tế*.

Ví dụ: Chúng ta cần lưu ý tránh mắc sai lầm khi viết và nói tới *khuyết, nhược điểm; hạn chế; yếu kém* là *tồn tại*.

Trong báo cáo tổng kết năm công tác của khá nhiều cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương từ lâu, đã và đang nói và viết rõ hai phần rằng: Phần I. Những kết quả đạt được, Phần II. Một số tồn tại.

Chúng ta cần khẳng định rằng: Nói đến mặt đối lập với kết quả đạt được là nói đến *những khuyết, nhược điểm; hạn chế; yếu kém*, chứ không được nói và viết đó là *tồn tại*. Nói đó là *những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém đang tồn tại cần phải được giải quyết* mới là nói và viết đúng. Còn nói và viết một số *tồn tại là những khuyết điểm, yếu kém chưa được giải quyết đối lập với kết quả đạt được* là nói và viết sai.

Tóm lại, chúng ta cần hiểu đúng khái niệm *tồn tại* rằng: Khái niệm *tồn tại* dùng để chỉ *thế giới khách quan, vật chất tồn tại độc lập với ý thức*. Ph.Ăngghen viết: “Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy với tồn tại [1, tập 21, tr. 403]”. Như vậy, *khái niệm tồn tại* là khái niệm triết học chỉ *thế giới khách quan là thế giới ngoài chúng ta, là thực tại khách quan, là hiện thực khách quan - tự nhiên, tức là vật chất*, để phân biệt với ý thức, tư tưởng⁴.

c) PPDH nêu vấn đề còn được gọi là dạy học giải quyết vấn đề, dạy học đặt và giải quyết vấn đề

PPDH nêu vấn đề là phương pháp gây sự chú ý cho người học vào các tình huống có chứa đựng mâu thuẫn. Người tham gia tranh biện phải dùng lý lẽ để bảo vệ ý kiến của mình, lập luận về cách thức giải quyết mâu thuẫn và đặc biệt là phải phát hiện và bổ khuyết được thiếu sót, không chuẩn xác của các ý kiến khác. Ngày nay, phương pháp này là một trong những phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Nó khuyến khích người học tích cực tìm tòi, suy nghĩ, tự giải quyết những mâu thuẫn trong nhận thức để đi đến những tri thức mới.

⁴ Đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng CSVN viết rằng: “*Tư tưởng* là một sản phẩm của *tồn tại*, của điều kiện kinh tế, nhưng nó lại có khả năng chủ động, có tính độc lập tương đối”. Đồng chí Tô Hữu viết: “*Khó* mà tưởng tượng được một dân tộc, một đất nước phải đương đầu với một cuộc chiến tranh ác liệt như thế, chẳng những có thể *tồn tại* vững chắc, mà còn có thể lớn lên về nhiều mặt”. Hoặc nói giai cấp công nhân đang *tồn tại* ở từng nước; Nhà siêu nhỏ, siêu mỏng đang *tồn tại*; Ai chống lưng cho bọn làm hàng giả *tồn tại*; Không để nhà tạm, nhà dột nát *tồn tại* ở nước ta; “*Cách ăn xối, ở thì, tạm bợ không thể có lý do tiếp tục tồn tại*”, v.v. là nói và viết đúng khái niệm *tồn tại*.

PPDH nêu vấn đề yêu cầu GV phải xuất phát từ nội dung của chủ đề bài giảng mà nêu các vấn đề, đề SV suy nghĩ, thảo luận, giải đáp với sự định hướng của GV. Đặc trưng của phương pháp này là phải chọn được tình huống có vấn đề. Bởi vì, *tư duy chỉ bắt đầu ở nơi xuất hiện tình huống có vấn đề*. Nói cách khác, ở đâu không có vấn đề thì ở đó, không có tư duy. Tình huống có vấn đề luôn luôn chứa đựng những nội dung cần xác định, nhiệm vụ cần giải quyết, vướng mắc cần tháo gỡ. *PPDH nêu vấn đề là cách thức đưa người học đi tới mâu thuẫn giữa những kiến thức đã biết và kiến thức chưa biết, tạo ra những câu hỏi, bài tập buộc người học phải vượt tới những kiến thức mới*. Do vậy, *PPDH nêu vấn đề* làm kích thích tính tích cực, chủ động, sáng tạo, độc lập suy nghĩ của người học, tạo ra bầu không khí sôi nổi, dân chủ trong học tập, hướng người học tăng cường hiểu biết, làm cho quá trình tiếp thu tri thức của họ trở thành quá trình tự giác; từ đó, hình thành *phương pháp hành động mới thiết thực, hiệu quả ở chủ thể*. Nói cách khác, GV và SV thực hiện PPDH giải quyết vấn đề là thực hiện được *phương châm học đi đôi với hành, nội đi đôi với làm* và SV sẽ thấy được sự cần thiết phải học và nghiên cứu triết học.

Thực hiện *PPDH nêu vấn đề*, GV không phải là người độc quyền trong việc đưa ra các vấn đề và phương pháp giải quyết, mà người dạy chỉ giữ vai trò là người gợi ý để người học tìm tòi, suy nghĩ đưa ra cách giải quyết mới, những ý tưởng mới; GV buộc người học phải *động não*. (Động não là kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận nhóm, học tập).

Thực hiện PPDH nêu vấn đề, yêu cầu từng SV phải nỗ lực nghiên cứu vấn đề, từng SV phải động não tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng trong thảo luận, SV có trách nhiệm và phải nêu ra được ý kiến (tài trí, hiểu biết) của mình để giải quyết vấn đề; SV không thể không thực hiện quyền phát biểu ý kiến của mình. SV phải phát huy quyền và trách nhiệm, nghĩa là SV được thực hiện *mặt dân chủ* trong học tập. Sau khi SV đã hết ý kiến thảo luận, GV phải đưa ra kết luận, coi đó là những quan điểm lý luận chính thống (*mặt tập trung* trong giảng dạy) mà SV phải nhớ mà vận dụng trong học tập và công tác. Đây chính là sự quán triệt *nguyên tắc dân chủ tập trung* trong dạy học ở bậc đại học. Điều đó có nghĩa là dạy người học không những

nắm được tri thức cần thiết trong chương trình đào tạo, mà cao hơn nữa là người học biết vận dụng các tri thức đó để giải quyết các tình huống xuất hiện trong học tập và công tác sau này. V.I.Lênin đã căn dặn chúng ta rằng: “Chỉ khi nào các đồng chí biết tự mình tìm ra phương hướng trong vấn đề đó, thì các đồng chí mới có thể coi mình là đã đủ vững vàng trong những niềm tin của mình và bảo vệ những niềm tin đó một cách thắng lợi trước bất cứ người nào và bất cứ lúc nào” [5, tập 39, tr. 76-77].

PPDH đặt và giải quyết vấn đề là phương châm giáo dục kết hợp học với suy nghĩ, kết hợp học với hành, học phải tư. Điểm mấu chốt của việc thực hiện PPDH nêu vấn đề là GV trên cơ sở *ngiên cứu kỹ lưỡng chủ đề bài giảng, hiểu sâu, phát hiện ra các tình huống có vấn đề* và bằng nghệ thuật sư phạm GV đưa SV vào giải quyết những tình huống có vấn đề.

Ví dụ: Vấn đề được nêu ra là: Thực tế cho thấy hai đơn vị có điều kiện vật chất như nhau (điều kiện địa lý như nhau, nhân lực, vật lực (những phương tiện vật chất) như nhau, v.v.); song, đơn vị A hoàn thành xuất sắc mục tiêu, nhiệm vụ; còn đơn vị B không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra? Các em hãy nêu ra nguyên nhân của thực tế hai đơn vị trên?

Sau khi SV hết ý kiến thảo luận, GV đưa ra kết luận như sau: Rõ ràng nguyên nhân mà đơn vị kia không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ không ở điều kiện vật chất. Nếu tìm nguyên nhân của vấn đề ở điều kiện vật chất thì “*để như giải một phương trình bậc hai*”. Nguyên nhân mà đơn vị kia không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ là ở *nhân tố ý thức*: đó là sự thụ động, ý lại, ngòai chờ, thiếu tính năng động, tích cực, sáng tạo, không thông suốt tư tưởng, *thậm chí là mất đoàn kết* của cán bộ và nhân dân. Từ phân tích trên, GV kết luận rằng: Khi đã có mục đích, chủ trương và biện pháp đúng, *muốn cho những khả năng khách quan thành hiện thực, con người cần có ý chí, nghị lực quyết tâm thực hiện nó*. Ở đây, ý thức tư tưởng trở thành nhân tố quan trọng, và trong những điều kiện hoàn cảnh vật chất cụ thể cho phép, *những nhân tố ý thức giữ vai trò quyết định* cho con người thành công hay thất bại trong hoạt động thực tiễn.

Ví dụ: Vấn đề được nêu ra là: Bằng quan điểm duy vật biện chứng, hãy phê phán suy nghĩ cho rằng: Ta chống thực dân Pháp như là “châu châu đầu voi”.

Sau khi SV hết ý kiến thảo luận, GV đưa ra kết luận như sau:

(1) Suy nghĩ cho ta chống Pháp xâm lược là “*châu chấu đầu voi*” là sai lầm.

(2) Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán suy nghĩ “*châu chấu đầu voi*”: Bằng quan điểm duy vật biện chứng của THML, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Suy nghĩ “*châu chấu đầu voi*” về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta là *rất thiếu căn, chỉ thấy vật chất, không thấy sức mạnh đạo đức, tinh thần*. Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích rằng: “*Chỉ nhìn về vật chất, chỉ nhìn ở hiện trạng, chỉ lấy con mắt hẹp hòi mà xem, thì như thế thật*. Vì để chống máy bay và đại bác của địch, lúc đó, ta phải dùng gây tâm vòng. Nhưng Đảng ta theo CNML, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc. Cho nên, chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng: *Nay tuy châu chấu đầu voi, Nhưng mai voi sẽ bị lờ ruột ra*”. Sự thật đã chứng tỏ rằng “*voi*” thực dân đã lờ ruột vào ngày 07/5/1954, mà bộ đội ta đã trưởng thành như con hổ oai hùng” [2, tập 7, tr. 29].

d) *Sử dụng phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học THML*

Phương tiện dạy học là tất cả những thiết bị và tài liệu được sử dụng trong quá trình dạy học bao gồm tài liệu in (giáo trình, tài liệu tham khảo), phương tiện nghe nhìn (phim ảnh, video, tivi), dụng cụ trình bày (màn hình), phương tiện kỹ thuật (máy vi tính, máy chiếu đa phương tiện) giúp cho GV và SV tổ chức và tiến hành dạy học, có hiệu quả giáo dục. GV đều có giáo án điện tử và trực tiếp giảng dạy cho SV bằng giáo án điện tử này.

Với trình độ công nghệ thông tin của SV ngày một nâng cao, GV cần sử dụng công nghệ thông tin để tăng tính trực quan của SV, làm cho giờ học THML sinh động

hơn, nhưng sử dụng các phương tiện này phải có mức độ, vừa đủ để trợ giúp cho các PPDH như thuyết trình tích cực và PPDH giải quyết vấn đề. Trong điều kiện của Cách mạng công nghiệp 4.0, từ năm học 2008-2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu các trường tiến hành giảng dạy bằng bài giảng điện tử (PowerPoint). Nếu lạm dụng các phương tiện dạy học như ham đưa quá nhiều những hình ảnh hoặc hiệu ứng trình chiếu vào bài giảng, có thể không hoàn toàn thích hợp, thì không đạt được yêu cầu đổi mới PPDH THML.

3. Kết luận

Đổi mới PPDH THML phải có sự kết hợp nhiều phương pháp. Thực chất của đổi mới phương pháp dạy học THML là nhà trường, GV phải căn cứ vào đặc thù của môn Triết học, vào đặc thù của đối tượng giảng dạy và mục tiêu đào tạo để tìm ra phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất. Quá trình này đòi hỏi người thầy phải không ngừng hoàn thiện mình về nâng cao trình độ, cập nhật tri thức mới; phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc tìm kiếm phương pháp giảng dạy thích hợp để khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của người học.

Đổi mới PPDH môn THML đáp ứng CĐR là một yêu cầu cấp thiết trong dạy học môn THML ở Trường ĐHHB hiện nay. Tập trung vào đổi mới PPTT theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV nhằm hình thành các phẩm chất theo yêu cầu của CĐR, tập trung vào PPDH giải quyết vấn đề để hình thành các năng lực như năng lực tư duy logic, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo v.v.. Thực hiện các phương pháp đổi mới này, GV cần phải dành nhiều thời gian chuẩn bị bài giảng, phải vận dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số rất khó khăn, vất vả, nên đòi hỏi GV phải hành động nhiều hơn, giám sát, v.v.. SV phải tích cực tự học, phải tăng hoạt động, phải làm nhiều mới hình thành và phát triển các năng lực mà CĐR đề ra.

Tài liệu tham khảo

- [1]. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, (1995), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Đảng CSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (2021), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập I.
- [4]. Hêghen: *Toàn tập*, (1932), Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, tập IX, (Tiếng Nga).
- [5]. V.I.Lênin: *Toàn tập*, (1977), Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.